

Số: 3533/QĐ-UBND

Phú Quốc, ngày 14 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Công bố, công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 176/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện cho một số dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 3312/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (đợt 1);

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện cho một số dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Phú Quốc về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Phú Quốc về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Phú Quốc về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 6897/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc về việc giao điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 279/TTr-PTCKH ngày 12 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố (theo các biểu kèm theo Quyết định).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Chi Cục trưởng Chi cục Thuế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Phú Quốc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./.*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND thành phố;
- CT, các PCT.UBND thành phố;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố;
- Tòa án nhân dân thành phố;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- LDVP, đ/c Hưng;
- Lưu: VT, PTCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Quang Hưng



DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NAM 2024 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH BÒ SUNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC

(Kèm theo Quyết định số: 3533/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Chủ đầu tư	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư dự án		Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã tri từ khởi công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (điều chỉnh lần 1 tháng 5/2024)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (điều chỉnh lần 2 tháng 7/2024)	Chênh lệch		Ghi chú
						Số ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Tăng	Giảm	
	TỔNG CỘNG (A + B + C + D)						412.069			490.283	241.905	155.334	155.334	7.290	(7.290)		
A	NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH						128.440			237.094	150.632	51.000	51.000	3.433	(3.433)		
I	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP						128.440			237.094	150.632	51.000	51.000	3.433	(3.433)		
	Linh vực Giao thông						90.000			203.570	131.271	45.688	45.688	0	-3.432		
1	Đường Suối Cái - Rạch Vẹm	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7881801	NQ 21 30/8/2023	90.000	2021-2024	1163 04/7/4/2023	89.206	23.602	41.425	41.425	38.049	(3.376)		Giảm vốn do giảm quy mô
2	Đường nhánh số 3 - khu vực Bãi Trường	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7230737	NQ số 176 của UBND ngày 08/12/2023		2021-2024	51 28/2/2023	114.364	107.669	4.263	4.263	4.207	(56)		công trình đã nghiệm thu lập hồ sơ quyết toán
	Linh vực Giáo dục						38.440			33.524	19.361	5.312	5.312	8.744	(1)		
1	Trường TH - THCS Thới Châu (Điểm Chính)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7944572	NQ 11 28/5/2020	6.090	2022-2024	1847 17/5/2023	5.447	1.765	3.000	2.900	2.900	-		
2	Sửa chữa các điểm trường năm 2023	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8015223	NQ 11 28/5/2020	4.000	2022-2024	1702 05/5/2023	3.865	2.800	44	39	39	-		
3	Sửa chữa các điểm trường năm 2024	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8015222	NQ 11 28/5/2020	4.000	2023-2025	1661 27/4/2023	3.895	2.900	16	11	10	(1)		công trình đã nghiệm thu lập hồ sơ quyết toán
4	Trường TH Dương Tơ 1 - Điểm Suối lớn	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8016554	NQ 11 28/5/2020	5.090	2023-2025	4292 09/08/2023	4.013	700	2.200	2.310	2.376	66		
5	Trường PTCS Cửa Cạn (Điểm chính) - 2021	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7881811	NQ 11 28/5/2020	11.060	2021-2024	4022 09/08/2022	8.988	8.746		52	52	-		
6	Trường TH An Thới 2 (Điểm áp 6)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7888119	NQ 52 27/8/2021	8.200	2022-2024	1846 17/5/2023	7.316	2.450	0	0	3.367	3.367		cho phép kéo dài bố trí vốn sang 2024
7	Vốn chưa phân bổ (01 dự án)											52			-		
B	NGUỒN THU XỐ SỔ KIẾN THIẾT						192.012			186.381	43.990	60.000	60.000	60.000	3.857	-3.857	
I	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP						135.406	0	0	143.470	43.290	32.975	31.222	27.365	0	-3.857	
	Linh vực Giao thông						89.206			89.206	23.602	9.025	9.025	5.229	0	-3.796	
1	Đường Suối Cái - Rạch Vẹm	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7881801	NQ 16 23/5/2024	89.206	2021-2024	1163 04/7/4/2023	89.206	23.602	9.025	9.025	5.229	-	(3.796)	
	Linh vực y tế						0			10.622	8.200	1.350	1.350	1.350	0	0	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm điểm xây dựng	Địa điểm mở tài dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Chủ đầu tư	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư dự án		Thời gian, khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã trãi từ thời công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (điều chỉnh lần 1 tháng 5/2024)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (điều chỉnh lần 2 tháng 7/2024)	Chênh lệch		Ghi chú
						Số ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Tăng	Giảm	
1	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trung tâm y tế huyện Phú Quốc	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7858630	NQ 11 28/5/2020	14.971	2021-2024	3368 01/7/2022	10.622	8.200	10.622	0	1.350	1.350	-	-	-
2	Vốn chưa phân bổ (01 dự án)												1.350	-		-	-	
	<i>Lĩnh vực Giáo dục</i>						46.200			43.642	11.488	34.141	22.600	20.847	20.786	0	-61	
2	Trường TH - THCS Cửa Dương - Diểm chỉnh (HM: 01 nhà đa năng)	PQ	KENN Phú Quốc	BQL dự án	7944567	6149 09/12/2021	5.000	2023-2024	4349 11/08/2023	4.831	1.852	3.250	1.550	1.550	1.550	-	-	-
3	Sửa chữa cải tạo nhà vệ sinh, công trường rào, sân tennis, hệ thống thoát nước (HM: 12 điểm trường)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7943313	6149 09/12/2021	5.700	2023-2024	4352 11/8/2023	5.152	1.876	4.650	2.950	2.267	2.267	-	-	-
4	Trường TH-THCS Bãi Bón (HM: 01 nhà đa năng, 06 phòng học)	PQ	KENN Phú Quốc	BQL dự án	7945681	6149 09/12/2021	11.000	2023-2024	4346 11/08/2023	10.663	1.600	8.400	6.400	5.800	5.800	-	-	-
5	Trường THCS Dương Tor (HM: 06 phòng học, 03 phòng bộ môn)	PQ	KENN Phú Quốc	BQL dự án	7944570	6149 09/12/2021	10.500	2023-2024	4354 11/08/2023	10.083	1.500	7.441	5.500	5.100	5.100	-	-	-
6	Trường TH Dương Tor 2 - 73ha (Tên cũ: Trường TH Dương Tor 2 - HM: 01 nhà đa năng)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7944571	6149 09/12/2021	5.000	2023-2024	4353 11/08/2023	4.976	1.882	4.200	2.500	2.500	2.500	-	-	-
7	Trường TH Cửa Dương 2 - Diểm Quốc Thẳng (HM: 08 phòng học và công trường rào, sân tennis hệ thống thoát nước)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7944565	6149 09/12/2021	9.000	2023-2024	4350 11/08/2023	7.937	2.778	6.200	3.700	3.630	3.569	-	-	(61) Giảm theo giá trị quyết toán
II	DỰ ÁN KHỎI CÔNG MỚI						52.606			42.911	700	42.907	26.925	28.678	32.535	3.857	0	
	<i>Lĩnh vực Giáo dục</i>						21.090			20.086	300	20.086	9.925	11.678	12.678	1.000	0	
1	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Cửa Cạn (tên cũ: Trường PTCS Cửa Cạn (Điểm chỉnh - 2024)	CC	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8017950	NQ 11, 52 28/5/2020	9.000	2023-2025	5517 30/10/2023	8.055	200	8.055	4.250	4.250	4.250	-	-	-
2	Trường mầm non An Thới	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	7855075	NQ 11, 52 27/8/2021	8.090	2022-2024	5518 30/10/2023	8.031	100	8.031	5.675	5.675	6.675	1.000	-	-
3	Sửa chữa các điểm trường năm 2025	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8015221	NQ 11 28/5/2020	4.000	2024-2025	1231 02/4/2024	4.000	0	4.000	0	1.753	1.753	-	-	-
	<i>Lĩnh vực y tế</i>						31.516			22.825	400	22.821	17.000	17.000	19.857	2.857	0	
1	Nâng cấp, Sửa chữa trạm y tế xã Dương Tor	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8034099	4435 15/8/2023	4.231	2023-2025	5508 30/10/2023	3.078	60	3.079	2.300	2.300	2.635	335	-	-
2	Nâng cấp, Sửa chữa trạm y tế xã Cửa Dương	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8034098	4438 15/8/2023	4.301	2023-2025	5515 30/10/2023	3.883	60	3.882	2.900	2.900	3.361	461	-	-
3	Nâng cấp, Sửa chữa trạm y tế xã Hàm Ninh	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8034100	4436 15/8/2023	4.337	2023-2025	5509 30/10/2023	2.902	60	2.901	2.200	2.200	2.496	296	-	-
4	Nâng cấp, Sửa chữa trạm y tế xã Bãi Thơm	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8034097	4439 15/8/2023	4.000	2023-2025	5512 30/10/2023	3.227	60	3.226	2.400	2.400	2.739	339	-	-
5	Nâng cấp, Sửa chữa trạm y tế xã Thổ Châu	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8034101	4434 15/8/2023	5.448	2023-2025	5510 30/10/2023	3.896	60	3.896	2.900	2.900	3.521	621	-	-
6	Nâng cấp, Sửa chữa trạm y tế Phường An Thới	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8034096	4440 15/8/2023	4.820	2023-2025	5511 30/10/2023	2.696	60	2.695	2.000	2.000	2.345	345	-	-
7	Nâng cấp, Sửa chữa trạm y tế xã Cửa Cạn	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8034102	4437 15/8/2023	4.379	2023-2025	5513 30/10/2023	3.143	40	3.142	2.300	2.300	2.760	460	-	-



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mới tại khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Chủ đầu tư	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư dự án		Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã tri từ khởi công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (điều chỉnh lần 1 tháng 5/2024)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (điều chỉnh lần 2 tháng 7/2024)	Chánh lịch		Ghi chú
						Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Tăng	Giảm	
II	DỰ ÁN CHUÁN BỊ ĐẦU TƯ						4.000			0	0	4.000	100	100	100	0	0	
	Lĩnh vực Giáo dục						4.000			0	0	4.000	100	100	100	0	0	
I	Sa chừa các điểm trường năm 2025	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA		NQ 11 28/5/2020	4.000	2024-2025				4.000	100	100	100	-	-	
C	NGUỒN THU XỐ SÓ KIẾN THIẾT ĐƯỜNG GTNT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ						91.617	-	-	66.808	47.283	91.617	26.700	26.700	26.700	-	-	
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP						84.303			66.808	47.283	84.303	17.858	17.858	17.858	-	-	
1	Giao thông nông thôn phường An Thới năm 2023	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8030402	6505 12/12/2023	16.000	2023-2025	3521 10/7/2023	13.900	9.000	16.000	4.900	4.900	4.900	-	-	
2	Giao thông nông thôn xã Cửa Dương năm 2023	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8030401	6507 12/12/2023	10.396	2023-2025	3522 10/07/2023	10.396	7.283	10.396	2.217	2.417	2.417	-	-	
3	Giao thông nông thôn xã Dương Tơ năm 2023	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8030400	6503 12/12/2023	13.000	2023-2025	3523 10/07/2023	7.738	6.500	13.000	1.238	1.238	1.238	-	-	
4	Giao thông nông thôn xã Hàm Ninh năm 2023	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8030404	6510 12/12/2023	15.117	2023-2025	3386 20/07/2023	7.199	5.500	15.117	1.699	1.699	1.699	-	-	
5	Giao thông nông thôn xã Cửa Cạn năm 2023	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8030399	6504 12/12/2023	4.000	2023-2025	4244 07/08/2023	3.480	2.500	4.000	980	980	980	-	-	
6	Giao thông nông thôn phường Dương Đông năm 2023	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8030398	6509 12/12/2023	14.700	2023-2025	4284 09/08/2023	12.824	9.000	14.700	3.824	3.824	3.824	-	-	
7	Đường và cầu Dinh Bà xã Hàm Ninh	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8030405	6508 12/12/2023	9.790	2023-2025	4296 10/08/2023	9.790	6.500	9.790	2.500	2.500	2.500	-	-	
8	Giao thông nông thôn xã Gành Dầu năm 2023	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8030403	6506 12/12/2023	1.300	2023-2025	3520 10/07/2023	1.481	1.000	1.300	300	300	300	-	-	
II	DỰ ÁN CHUÁN BỊ ĐẦU TƯ						7.314			-	-	7.314	100	100	100	-	-	
I	Đường từ ngã ba Cầu Sáu đến khu phố 7 phường An Thới	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án		6511 12/12/2023	7.314	2024-2025				7.314	100	100	100	-	-	Chưa đủ điều kiện phân bổ
III	VỐN CHƯA PHÂN BỐ															-	-	Chưa đủ điều kiện phân bổ
D	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG BẮT 40% ĐƯỜNG GTNT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ												17.634	17.634	17.634	-	-	



DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC

(Kèm theo Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

Đơn vị tính: triệu đồng																
STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Chức năng đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư dự án		Quyết định đầu tư dự án		Vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (chính lần 1 tháng 5/2024)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (chính lần 2 tháng 7/2024)	Chánh tịch		Ghi chú
						Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tăng	
	TỔNG CỘNG						3.654.672			3.835.297	4.312.870	1.150.000	1.150.000	21.432	(21.432)	
A	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT (60%)						3.654.672			3.835.297	1.869.362	150.000	150.000	21.432	(21.432)	
I	DỰ ÁN TRẢ NỢ QUYẾT TOÁN						-			847.785	682.155	2.518	2.464	43	-	
1	Đường nối trục Nam Bắc ra Biển	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7011282	NQ số 176 của HĐND tỉnh ngày 08/12/2023	2010-2020	64; 21/06/2012	193.820	173.605	244	244	244	-	-	
2	Khu tái định cư bắc sân bay 10 ha (Sân nền, HT cấp nước, HT thoát nước, HT cấp điện, điện chiếu sáng)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7060658	NQ số 176 của HĐND tỉnh ngày 08/12/2023	2008-2014	801; 06/04/2011	41.504	29.083	66	66	66	-	-	
3	Lát gạch vỉa hè chỉnh trang đô thị	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7585179	NQ số 176 của HĐND tỉnh ngày 08/12/2023	2021-2024	4619; 05/10/2021	53.561	42.895	960	128	128	-	-	
4	Đường từ Bãi rác đến ngã tư Hàm Ninh	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7613871	732 14/3/2024	2019-2024	3756 ; 29/07/2019	169.062	154.516	966	666	666	-	-	
5	Nâng cấp bờ kè công viên Bạch Đằng	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7753470	733 14/3/2024	2020-2024	4544; 27/8/2020	33.763	31.746	322	66	66	-	-	
6	Đường nhánh số 4 - Khu vực Bãi Trường	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7286511	734 14/3/2024	2010-2024	102; 23/12/2010	216.539	133.416	1.147	670	670	-	-	
7	Đường Bãi đất đỏ- khu phố 6 thị trấn An Thới	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7582896	735 14/3/2024	2016-2024	5870; 28/10/2016	30.288	27.595	340	340	340	-	-	
8	Chỉnh trang Đô thị 2018 - 2020	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7818553	736 14/3/2024	2021-2024	696; 24/02/2021	9.983	9.700	9.837	135	135	-	-	
9	Lắp đặt đèn chiếu sáng tuyến đường Ấp 2 Cửa Cạn đến ngã ba Dương Đông - Bãi Thơm	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7881804	NQ số 176 của HĐND tỉnh ngày 08/12/2023	2021-2024	4006 24/8/2021	7.213	5.369	5.409	30	30	-	-	
10	Trưởng TH Dương Tơ 2 -73ha (Hàng mục: 02 phòng bộ môn)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7888127	737 14/3/2024	2021-2024	2520 01/6/2021	2.957	2.764	2.957	19	19	-	-	
11	Lát gạch vỉa hè đường Trần Hưng Đạo	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7579314	NQ số 176 của HĐND tỉnh ngày 08/12/2023	2019-2024	4602 24/10/2019	77.336	60.457	11.000	100	100	-	-	
12	Trưởng TH Dương Tơ 1 - Điểm chỉnh (HM: 06 phòng học, 02 phòng bộ môn)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7888117	NQ số 13/HĐND 29/04/2024	2022-2024	2300; 26/4/2022	8.586	8.425	8.550	10	10	-	-	Bổ sung danh mục tài toán công trình
14	Mở rộng nghĩa trang nhân dân huyện Phú Quốc	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7643178	NQ số 13/HĐND 29/04/2025	2017-2022	9878, 30/10/2017	3.173	2.584	1.700	33	33	-	-	Bổ sung danh mục tài toán công trình
15	Vốn chưa chia phân bổ (1 dự án)										2.208	-	-	-	-	
II	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP						2.016.176			2.905.710	1.185.549	127.982	126.697	19.889	(21.432)	

S T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mới (ai không của dự án (chỉ tiết diện quận, huyện))	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư dự án		Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Vốn đã bố trí từ khoả tư chính năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (đến cuối năm 2024)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (đến cuối năm 2024)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (đến cuối năm 2024)	Chênh lệch		Chi chú
						Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Tăng	Giảm	
	Ngành giao thông						1.932,578			2.815.007	1.135.645	1.074.010	103.714	103.441	102.508	19.899	-20.822	
2	Nâng cấp hệ thống nước Dương Đông (Giai đoạn 2)	PQ	KBBN Phú Quốc	UBND thành phố	7717506	NQ số 175 của HĐND tỉnh ngày 30/10/2018		2020-2024	86	16/01/2019	224.768	177.299	129.768	-	-	19.800	19.800	Cho phép kéo dài bố trí vốn sang 2024
1	Khu tái định cư Suối Lớn 73ha	PQ	KBBN Phú Quốc	UBND thành phố	7060665	NQ số 176 của HĐND tỉnh ngày 08/12/2023		2007-2022	97;	22/01/2007	269.439	200.577	3.141	1.000	1.000	-	-	
2	Dự án DTXD Đường trung tâm đoạn 3 - Khu vực Bãi Trường và các đường nhánh, huyện Phú Quốc (nay là thành phố Phú Quốc), tỉnh Kiên Giang	PQ	KBBN Phú Quốc	UBND thành phố	7230738	NQ 130 23/6/2023	1.225.257	2016-2024	67	23/4/2021	1.225.257	142.293	207.000	43.806	43.164	-	-	công trình đã nghiệm thu lập hồ sơ quyết toán
3	Nâng cấp, cải tạo núi gian, dải phân cách đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ ngã 5 đến công chầu)	PQ	KBBN Phú Quốc	BQL dự án	7972563	4135 18/8/2022	8.000	2022-2024	5607	04/11/2022	4.872	5.100	5.600	500	586	-	-	
4	Đường điện trung thế từ đường Dương Đông - Cửa Cam vào khu vực bãi rác tạm Bãi Cây Sao	PQ	KBBN Phú Quốc	BQL dự án	8030406	1881 18/05/2023	2.600	2023-2025	3519	10/07/2023	1.949	1.800	1.949	149	31	-	-	
5	Dương vào đến thờ các Anh hùng liệt sĩ	PQ	KBBN Phú Quốc	BQL dự án	7964154	3125 27/6/2022	180	2023-2025	5639-	08/11/2022	133	84	133	2	2	-	-	
6	Khu tái định cư tại chỗ thuộc khu dân cư Thung Lăng Trím	PQ	KBBN Phú Quốc	BQL dự án	7964155	1936 19/04/2022	6.000	2022-2025	1031,	05/04/2023	2.701	1.108	2.701	1.000	1.029	1.118	89	tăng vốn tái toán công trình
7	Nâng cấp các tuyến đường nội ô Thị Trấn Dương Đông	PQ	KBBN Phú Quốc	BQL dự án	7818558	4363 26/10/2018	54.847	2020-2024	4287	07/09/2022	49.393	420	40.233	20.000	20.000	-	-	
8	Đường nhánh số 3 - khu vực Bãi Trường	PQ	KBBN Phú Quốc	BQL dự án	7230737	NQ số 176 của HĐND tỉnh ngày 08/12/2023		2021-2024	146	13/7/2021	117.343	107.669	10.000	10.000	10.000	-	-	
9	Đường Suối Cai - Rạch Vém	PQ	KBBN Phú Quốc	BQL dự án	7881801	NQ 21 30/8/2023	90.000	2021-2024	1163	04/7/2023	89.206	23.602	15.156	1.000	-	-	-	
10	Đường thị trấn Dương Đông - Khu du lịch Đa Bàn	PQ	KBBN Phú Quốc	BQL dự án	7566112	739 14/3/2024	150.000	2017-2024	5323;	15/11/2019	150.000	105.225	51.100	270	270	-	-	
11	Bò kê Rạch Ông Trì	PQ	KBBN Phú Quốc	BQL dự án	7818548		75.000	2020 - 2024	532	29/1/2021	73.490	59.265	72.073	867	785	-	(82)	công trình đã nghiệm thu lập hồ sơ quyết toán
12	Đường Ven Biển Bãi Trường	PQ	KBBN Phú Quốc	BQL dự án	7818547		154.923	2020 - 2024	7223	30/12/2020	124.003	82.092	82.179	87	87	-	-	
13	Nâng cấp hệ thống thoát nước; hệ thống chiếu sáng tuyến tránh (Đoạn từ ngã ba Suối đá đến cầu Suối (Cao)	PQ	KBBN Phú Quốc	BQL dự án	7822861	743 14/3/2024	47.000	2020-2024	5654	12/10/2020	46.760	42.723	46.300	413	413	-	-	
14	Nâng cấp hệ thống thoát nước thị trấn Dương Đông	PQ	KBBN Phú Quốc	BQL dự án	7821523	744 14/3/2024	59.000	2022-2024	2453	21/6/2021	35.613	23.628	35.196	4.500	4.500	-	-	
15	Phục vụ giải phóng mặt bằng các dự án phát triển kinh tế - xã hội khu vực Dương Tơ - An Thới (tên cũ: Khu Quân khi thuộc BTL Vùng 5 Hải Quân)	PQ	KBBN Phú Quốc	BQL dự án	7682125	742 14/3/2024	59.771	2018-2024	233;	15/01/2021	59.771	30.931	32.760	50	50	-	-	
16	Khu tái định cư xã Hàm Ninh	PQ	KBBN Phú Quốc	BQL dự án	7246562	NQ số 13 của HĐND tỉnh ngày 29/4/2024		2010-2024	157	23/8/2022	340.309	131.829	338.721	1.642	1.642	-	-	
17	Vốn chưa phân bổ (01 dự án)												26.257	19.800		-	(19.800)	
	Ngành giáo dục						65.903			60.544	30.273	45.444	18.636	18.192	17.582			-610
2	Trường TH-THCS Bãi Thơm (HM: 01 nhà đa năng.)	PQ	KBBN Phú Quốc	BQL dự án	7944569	6149 09/12/2021	5.000	2023-2024	4348	11/08/2023	4.869	1.853	3.169	2.600	2.204	-	-	



STT	Đanh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mới tái khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư dự án			Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (điều chỉnh lần 1 tháng 5/2024)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (điều chỉnh lần 2 tháng 7/2024)	Chánh lịch		Ghi chú
						Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Tăng	Giảm	
3	Trường TH Cửa Dương 2 - Điểm chính (HM: 01 nhà đa năng)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7944568	6149/09/12/2021	5.000		2023-2024	4347/11/08/2023	4.799		1.882	3.099	2.471	2.471	-	-	
4	Trường TH - THCS Cửa Dương - Điểm chính (HM: 01 nhà đa năng)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7944567	6149/09/12/2021	5.000		2023-2024	4349/11/08/2023	4.831		1.852	1.581	698	698	-	-	
5	Trường TH Dương To 2 - Điểm Đường Báo (HM: 04 phòng học)	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án	7950412	6149/09/12/2021	4.000		2023-2024	4345/11/08/2023	3.583		1.431	2.283	1.900	1.495	-	(405)	công trình đã nghiệm thu lập hồ sơ quyết toán
6	Trường TH-THCS Hàm Ninh - Điểm Mẫu giáo cũ (HM: 04 phòng học)	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án	7943312	6149/09/12/2021	4.000		2023-2024	4355/11/08/2023	3.705		1.307	2.505	1.863	1.858	-	(5)	công trình đã nghiệm thu lập hồ sơ quyết toán
7	Trường Mầm non Giành Dầu (Hạng mục: 03 phòng học)	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án	7945679	NQ 11/28/5/2020	3.000		2022-2024	4351/11/08/2023	2.874		1.150	2.874	1.724	1.524	-	(200)	công trình đã nghiệm thu lập hồ sơ quyết toán
8	Trường TH - THCS Cửa Dương (HM: 04 phòng học)	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án	7944573	NQ 11/28/5/2020	4.643		2022-2024	1664/27/04/2023	3.645		1.300	3.645	1.665	1.665	-	-	
9	Trường TH An Thới 2 - Điểm chính (HM: 04 phòng học, sân chơi)	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án	7858634	NQ 11/28/5/2020	4.760		2022-2024	1700/05/05/2023	3.658		1.300	3.608	1.685	1.685	-	-	
10	Trường TH-THCS Giành Dầu - Điểm tiểu học (HM: 06 phòng học)	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án	7944566	6149/09/12/2021	6.000		2023-2024	1633/26/04/2023	5.486		1.905	3.786	2.600	2.600	-	-	
11	Trường THCS An Thới 1 (HM: 02P bộ môn, 04P học, 20 máy vi tính)	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án	7889520	738/14/3/2024	7.500		2022-2024	2616/20/5/2022	7.495		6.350	7.495	1.145	1.145	-	-	
12	Trường TH-THCS Giành Dầu - Điểm THCS (01 nhà đa năng, 04 phòng bộ môn, hàng rào, 01 giếng khoan)	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án	7888131	741/14/3/2024	12.000		2021-2024	3984/04/8/2022	10.623		8.061	10.623	57	57	-	-	
13	Trường TH Dương To 2 - 73ha (Tên cũ: Trường TH Dương To 2 - HM: 01 nhà đa năng)	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án	7944571	6149/09/12/2021	5.000		2023-2024	4353/11/08/2023	4.976		1.882	776	180	180	-	-	
14	Vốn chưa phân bổ																		
	<i>Ngành khác</i>						17.695				30.159		19.631	19.998	5.432	5.064	-	-	
1	Cải tạo sửa chữa Hội trường A, nâng cấp mở rộng Phòng tiếp dân và mua sắm thiết bị	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án	7944574	1937/19/4/2022	6.000		2022-2024	3032/17/6/2022	5.605		5.050	5.087	37	37	-	-	
2	Sửa chữa cải tạo nâng cấp Trụ sở Ban Bồi thường hỗ trợ và tái định cư	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án	7970641	1934/19/4/2022	1.100		2022-2024	1017/14/04/2023	816		700	816	50	32	-	-	
3	Xây dựng mới Hội trường Ủy ban nhân dân xã Bãi Thơm	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án	7943310	1935/19/4/2022	4.595		2022-2024	1665/27/04/2023	4.525		1.650	4.595	2.780	2.430	-	-	
4	XDM Trại sát Đoàn quân lý đường bộ	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án	7818549	6512/06/12/2023	6.000		2022-2024	4815/19/9/2023	2.815		350	2.900	2.465	2.465	-	-	
5	Trồng mới cây xanh năm 2019 (TĐC 10,2ha, TĐC khu phố 5, TĐC Giành Dầu)	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án	7721325	740/14/3/2024	18.546		2019-2024	6380/20/11/2020	16.398		11.881	6.600	100	100	-	-	
6	Vốn chưa phân bổ																		
III	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI						83.469				81.802		738	81.810	18.000	20.239	1.500	-	
	Ngành Giáo dục						3.000				5.978		50	5.978	2.739	4.239	1.500	-	
1	Sửa chữa các điểm trường 2023	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án	8015220	NQ 11/28/5/2020	3.000		2023-2025	5516/30/10/2023	2.978		50	2.978	2.000	2.000	-	-	

S T T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư dự án		Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Vốn đã bố trí từ khoả công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (điều chỉnh lần 1 tháng 5/2024)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (điều chỉnh lần 2 tháng 7/2024)	Chênh lệch		Chị chủ đầu tư chuẩn bị đầu tư thực hiện đầu tư
						Số ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Tăng	Giảm	
2	Sửa chữa các điểm trường 2024	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8015219	NQ 11 28/5/2020	3.000	2024-2025	1230 02/4/2024	3.000		3.000	739	2.239	1.500	-	-	Chuyển từ chuẩn bị đầu tư thực hiện đầu tư
	Ngành giao thông						65.479			65.471	668	65.479	10.000	10.000	10.000	-	-	
1	Thoái nước các tuyến đường tỉnh lộ trên địa bàn thành phố Phú Quốc	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8005773	1704 08/5/2023	65.479	2023-2026	6410 01/12/2023	65.471	668	65.479	10.000	10.000	10.000	-	-	
	Ngành y tế						14.990			10.353	20	10.353	6.000	6.000	6.000	-	-	
1	Trạm y tế Phường Dương Đông	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8032199	4137 18/6/2022	14.990	2023-2025	5844 15/11/2023	10.353	20	10.353	6.000	6.000	6.000	-	-	
IV	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ						1.555.027				920	407.673	1.500	2.100	2.100	-	-	
	Ngành Giao thông+ ngành khác						1.524.427				920	377.073	800	1.400	1.400			
1	Đường Suối Cùi Gành Dầu (Đoạn từ ngã ba Rạch Vem - Gành Dầu)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7941736	NQ 22 30/8/2023	32.839	2022-2025			500	30.000	500	500	500	-	-	
2	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân nhân dân thành phố Phú Quốc (6.0187ha)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8023845	1880 18/5/2023	55.690	2023-2025			10	30.000	300	300	300	-	-	
3	Khu tái định cư Đồng Cây Sao (tên cũ: Khu tái định cư khu vực Đồng Cây Sao - Khu 1 49ha)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7881799	NQ 03 26/5/2023	679.898	2024-2027			410	313.573		500	500	-	-	
4	Khu trung tâm hành chính Phú Quốc	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7858629	NQ 11 28/5/2020	756.000					3.500	100	100	100	-	-	
	Ngành giáo dục						30.600					30.600	700	700	700	-	-	
1	Sửa chữa các điểm trường 2024	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án		NQ 11 28/5/2020	3.000	2024-2025				3.000	50	50	50	-	-	
2	Sửa chữa các điểm trường 2025	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án		NQ 11 28/5/2020	3.000	2024-2025				3.000	50	50	50	-	-	
3	Trường THCS Dương Đông 1	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án		6462 05/12/2023	13.600	2024-2026				13.600	300	300	300	-	-	
4	XDM nhà vệ sinh công, hàng rào, sân nền, hệ thống thoát nước các điểm trường	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án		6461 05/12/2023	11.000	2024-2026				11.000	300	300	300	-	-	
B	CHI THU CHI CHI										2.443.508	5.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	-	-	



DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN VỐN KẾT DƯ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
(Kèm theo Quyết định số: 3533/QĐ-UBND ngày 14 tháng 03 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Triệu đồng																		
S T T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tính đến quận, huyện)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư dự án		Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (điều chỉnh lần 1 tháng 5/2024)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (điều chỉnh lần 2 tháng 7/2024)	Chênh lệch		Ghi chú	
						Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư					Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	7	8	10	11	12	13	14	15	16	17
I	NGUỒN VỐN KẾT DƯ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ						1.733.266			654.115	400	623.836	29.100	220.200	227.600	7.400		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP						492.000			415.415		181.000		181.000	181.000	-		
I	Khu tái định cư xã Bãi Thơm	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7417465	NQ số 03 15/5/2019		2020-2024	961; 12/2/2020	415.415		181.000	-	181.000	181.000			
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI						238.700			238.700	400	238.348		38.600	45.500	6.900		
1	Trường mầm non Dương Đông tại khu 67,5 ha	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8051354	NQ số 23 30/8/2023		2025-2026	6599 11/12/2023	56.000	200	56.000	12.300	12.300	12.300			
2	Trường Tiểu học và THCS Dương Đông tại khu 67,5 ha	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8054337	NQ số 24 30/8/2023		2025-2026	6598 11/12/2023	120.000	200	120.000	16.300	16.300	16.300			
3	Đường nhánh 2 - Khu vực Bãi Trường	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7943309	NQ số 11 28/5/2020		2021-2023	3508 07/7/2023	40.000		39.648	10.000	10.000	10.000			
4	Cải tạo, sửa chữa dây nhà làm việc, hàng rào, sân nền, thoát nước thuộc trụ sở UBND thành phố Phú Quốc	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án	8078987	726; 14/03/2024		2024-2025	2595 28/06/2024	13.000		13.000	3.900	3.900	3.900			Chuyển lên để thực hiện
5	Nâng cấp, cải tạo phòng tiếp khách và phòng truyền thống Văn phòng Thành ủy	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án	8078340	727; 14/03/2024		2024-2025	2597 28/06/2024	1.500		1.500	1.000	1.000	1.000			Chuyển lên để thực hiện
6	Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng Hội trường và các Trụ sở tại xã Cửa Dương	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án	8078338	731; 14/03/2024		2024-2026	2596; 28/06/2024	8.200		8.200	2.000	2.000	2.000			Chuyển lên để thực hiện
III	DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ						1.002.566			-	-	204.488	500	600	1.100	500	-	
1	Bệnh viện đa khoa Phú Quốc	PQ	KBNN Phú Quốc	UBND thành phố	8051354	NQ 20 30/8/2023		2024-2027		798.000			500					
2	Cải tạo, sửa chữa dây nhà làm việc, hàng rào, sân nền, thoát nước thuộc trụ sở UBND thành phố Phú Quốc	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8078987	726; 14/03/2024		2024-2025		13.000		13.000	60	60	60			
3	Nâng cấp, cải tạo phòng tiếp khách và phòng truyền thống Văn phòng Thành ủy	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8078340	727; 14/03/2024		2024-2025		1.500		1.372	30	30	30			
4	Trường TH - THCS Bãi Bón	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8078339	730; 14/03/2024		2024-2026		13.000		13.000	60	60	60			
5	XDM Khối hành chính quản trị, phòng hoạt động đội, hàng rào, sân nền và nhà xe các điểm trường	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8079480	729; 14/03/2024		2024-2026		5.200		5.200	50	50	50			BS theo TB số 1065 và 1099 của Ban Thường vụ Thành ủy
6	Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng Hội trường và các Trụ sở tại xã Cửa Dương	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8078338	731; 14/03/2024		2024-2026		8.200		8.200	60	60	60			
7	Trường TH Cửa Dương 2 - Điểm chính	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8079482	728; 14/03/2024		2024-2026		13.900		13.900	100	100	100			
8	Đường tạm phục vụ cảng hành khách quốc tế	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8081064	1241 03/04/2024		2024-2025		1.050		1.000	70	70	70			
9	Hệ thống thoát nước tuyến đường N34 khu quy hoạch I/500 Sân Bay Cũ	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8081167	1242 03/04/2024		2024-2025		1.000		1.000	70	70	70			
10	Trung tâm hành chính phường An Thới	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án		2699 03/7/2024		2024-2026		35.000		35.000	100	100	100			
11	Nâng cấp các tuyến đường trên địa bàn thành phố Phú Quốc	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án		2702 03/7/2024		2024-2026		43.400		43.400	200	200	200			Bổ sung mới
12	Đường đầu nối xung quanh Quảng trường và Trung tâm Hành chính	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án		2704 03/7/2024		2024-2026		69.316		69.316	200	200	200			Bổ sung mới
13	Đường tạm phục vụ vận chuyển tập kết bãi rác mới	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						100		100	100	100	100			QĐ 2502 21/6/2024